

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - LAI CHÂU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HS-ST
Ngày 13 - 08 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Ông Đồng Văn Dũng

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông: Nguyễn Xuân Định

2. Ông: Đào Văn Khánh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà: Mào Thị Chiến - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu tham gia phiên toà:*** Bà: Giàng Thị Dơ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 194/2026/TLST-HS, ngày 29/7/2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2026/QĐXXST-HS, ngày 31/7/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lầu Thị X**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984, tại **xã T, tỉnh Lai Châu**; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở trước khi bị bắt: bản **Giàng Ly C, xã T, tỉnh Lai Châu**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lầu Nọ X1** (đã chết) và con bà **Sùng Thị L** (đã chết); Có chồng: **Giàng A N**, sinh năm 1982.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/4/2026 đến ngày 07/4/2026 thì bị áp dụng biện pháp Tạm giam tại Phân trại tạm giam **Mường T** thuộc Trại tạm giam **Công an tỉnh L** cho đến nay. (Có mặt).

Người phiên dịch cho bị cáo Lầu Thị X: Bà **Thào Thị T1**, sinh năm 2001, Địa chỉ: **Thôn A, xã B, tỉnh Lai Châu**. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lầu Thị X: Bà **Trần Thị Bích N1** - Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 03/4/2026, **Lầu Thị X** đang đi bộ một mình tại bản Tà Tổng, **xã T, tỉnh Lai Châu** thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông (không rõ nhân thân, lai lịch). Qua trao đổi, **X** mua của người đàn ông này 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh với giá 2.000.000 đồng. Do **X** chưa có tiền nên hai bên thỏa thuận khoảng 02 đến 03 ngày sau, người đàn ông đó sẽ quay lại địa điểm bán ma túy để nhận tiền. Sau khi nhận gói Heroine, **X** mang về nhà của **Vàng A X2**, sinh năm 1989, trú tại **bản T, xã T, tỉnh Lai Châu** (là nơi **X** đang ở nhờ). Khi về đến nhà **X2**, thấy không có ai ở nhà, **X** lấy gói Heroine vừa mua được chia thành 18 gói nhỏ, đều được gói bằng mảnh nilon màu hồng; số Heroine còn lại chưa chia, **X** để nguyên thành 01 cục, không gói lại. Sau đó, **X** cho 18 gói Heroine nhỏ và 01 cục Heroine vào 01 lọ nhựa hình trụ màu trắng, có nắp đậy màu trắng, nhằm mục đích để sử dụng và bán kiếm lời (**X** dự định bán 18 gói Heroine với giá 50.000 đồng/01 gói). Phần Heroine vụn rơi ra trong quá trình chia, **X** lấy một ít để sử dụng, số còn lại cho vào 01 lọ nhựa hình trụ màu đỏ, có nắp đậy màu trắng. Sau đó, cất hai lọ nhựa trên vào túi vải đang đeo trên người rồi đi ngủ. Đến khoảng 09 giờ 45 phút, ngày 04/4/2026, khi **Lầu Thị X** đang ở một mình tại nhà của **Vàng A X2** thì có một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến hỏi mua Heroine với giá 300.000 đồng. **X** đồng ý bán và nhận số tiền 300.000 đồng từ người đàn ông này. Đến hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi **X** cất số tiền 300.000 đồng vào túi vải đang đeo trên người và đang chuẩn bị lấy 06 gói trong tổng số 18 gói Heroine cất giấu trong lọ nhựa màu trắng để bán cho người đàn ông trên thì bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh L** phối hợp với **Công an xã T, tỉnh Lai Châu** phát hiện, kiểm tra, bắt quả tang. Quá trình bắt quả tang, người đàn ông đến mua Heroine với **X** đã bỏ chạy, không xác định được nhân thân, lai lịch. Tổ công tác thu giữ trong túi vải **X** đang đeo trên người; 01 lọ nhựa hình trụ màu đỏ, nắp màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng; 01 lọ nhựa hình trụ màu trắng, nắp màu trắng, bên trong chứa 18 gói nilon màu hồng được đót túm một đầu, đều chứa chất bột màu trắng và 01 cục chất bột màu trắng; số tiền 300.000 đồng. **Lầu Thị X** khai nhận toàn bộ số chất bột màu trắng nêu trên là Heroine do **X** cất giấu nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời; số tiền 300.000 đồng là tiền người đàn ông vừa bỏ chạy đưa để mua Heroine.

Ngày 04/4/2026, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh L** đã tiến hành thành lập Hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu gửi đi giám định và niêm phong lại vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số: 312/KL-KTHS, ngày 07/4/2026 của **Phòng K Công an tỉnh L** kết luận:

- Số chất bột màu trắng thu giữ của **Lầu Thị X** trong quá trình bắt quả

tang có tổng khối lượng là 11,09 gam (mười một phẩy không chín gam).

- 20 (hai mươi) mẫu chất bột, màu trắng (ký hiệu từ Mẫu 1 đến Mẫu 20) thu giữ của **Lầu Thị X** trong quá trình bắt quả tang gửi giám định là ma túy, loại: Heroine (Heroin).

Tại Bản kết luận giám định số: 319/KL-KTHS, ngày 08/4/2026 của **Phòng K Công an tỉnh L** kết luận: 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) có mã số hiệu: VA 16677866; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) có mã số hiệu LM 18271309 gửi giám định là tiền thật.”

Vật chứng thu giữ của **Lầu Thị X** gồm: Số Heroine chứa trong 01 lọ nhựa hình trụ màu đỏ; 18 gói Heroine đều được gói bằng mảnh nilon màu hồng và 01 **cục H1** có tổng khối lượng 11,09 gam (đã trích 3,69 gam làm mẫu giám định, không hoàn lại đối tượng giám định). Còn lại 7,4 gam Heroine; 01 lọ nhựa hình trụ màu trắng, nắp màu trắng; 01 lọ nhựa hình trụ màu đỏ, nắp màu trắng; 18 mảnh nilon màu hồng; 01 túi vải có nhiều hoa văn, gắn quai đeo; số tiền 300.000 đồng. Hiện các vật chứng còn lại đang được niêm phong và bảo quản theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Phản trách nhiệm dân sự: Không có.

Tại bản Cáo trạng số: 88/CT-VKS-KV4, ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu đã truy tố bị cáo **Lầu Thị X** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2025*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Bản kết luận điều tra số 294/BKL-CSMT ngày 07/7/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh L** và bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời phân tích, đánh giá toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Lầu Thị X** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2025*).

- Về hình phạt:

Đề nghị áp dụng điểm i, khoản 2, Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lầu Thị X** mức án từ 08 năm 03 tháng đến 08 năm 09 tháng tù, về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ là ngày 04/4/2026.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy: 7,4 gam Heroine; 01 lọ nhựa hình trụ màu trắng, nắp màu trắng; 01 lọ nhựa hình trụ màu đỏ, nắp màu trắng; 18 mảnh nilon màu hồng; 01 túi vải có nhiều hoa văn, gắn quai đeo.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo **Lâu Thị X** đưa ra những quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i, khoản 2, khoản 6, 251 của Bộ luật sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất trong khung đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo; và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 1, 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Lâu Thị X**.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo **Lâu Thị X** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát và bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa, không bổ sung lời bào chữa.

Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh L**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người bào chữa, người phiên dịch cho bị cáo đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo **Lâu Thị X** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên

bản thu giữ, niêm phong vật chứng; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 03/4/2026, **Lầu Thị X** đã mua 01 gói Heroine của một người đàn ông dân tộc Mông (không rõ nhân thân, lai lịch), có khối lượng 11,09 gam với giá 2.000.000 đồng. Sau khi mua được **H, X** mang về chia nhỏ thành nhiều gói mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Đến hồi 9 giờ 45 phút, ngày 04/4/2026, tại nhà của **Vàng A X2** ở **bản T, xã T, tỉnh Lai Châu**, **Lầu Thị X** đã nhận của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch số tiền 300.000 đồng để bán 06 gói Heroine. Khi **X** đang chuẩn bị lấy ma túy để giao cho người đàn ông này thì bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh L** phối hợp với **Công an xã T** phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, đồng thời xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm thu lợi bất chính. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích, đồng thời góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo **Lầu Thị X** sinh ra và lớn lên tại **xã T, tỉnh Lai Châu**; bị cáo có sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc Mông, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế nên được xem xét giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6, Điều 251 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng để bảo đảm thi hành hình phạt bổ sung. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 3,69 gam Heroine đã trích gửi giám định, không hoàn lại mẫu vật. Việc trích mẫu gửi đi giám định của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, xử lý.

- Đối với 7,4 gam Heroine; 01 lọ nhựa hình trụ màu trắng, nắp màu trắng; 01 lọ nhựa hình trụ màu đỏ, nắp màu trắng; 18 mảnh nilon màu hồng; 01 túi vải có nhiều hoa văn, gắn quai đeo. Đây là những vật Nhà nước cấm lưu hành, những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a, điểm c khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo Lầu Thị X là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Những vấn đề liên quan:

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lầu Thị X: Quá trình điều tra xác định X có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*). Ngày 23/06/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Lầu Thị X theo quy định của pháp luật.

- Đối với nguồn gốc số Heroine: Lầu Thị X khai nhận đã mua số Heroine nêu trên của một người đàn ông dân tộc Mông không rõ nhân thân, lai lịch. Quá trình điều tra không xác định được người này, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có đủ căn cứ để điều tra làm rõ.

- Đối với người đàn ông đến mua Heroine của Lầu Thị X: Bị cáo không biết họ tên, địa chỉ của người này. Khi Cơ quan Công an tiến hành bắt quả tang

Lầu Thị X, người đàn ông đã bỏ chạy thoát, không bắt giữ được, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh L** không đủ căn cứ để điều tra, làm rõ.

- Đối với **Vàng A X2**: Ngôi nhà nơi **Lầu Thị X** thực hiện hành vi chia nhỏ ma túy và mua bán trái phép chất ma túy thuộc quyền sở hữu của **Vàng A X2**. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định tại thời điểm xảy ra vụ việc, **Vàng A X2** đang đi làm nương và ngủ tại nương, không có mặt tại nhà nên không biết việc **Lầu Thị X** thực hiện hành vi chia nhỏ ma túy và mua bán trái phép chất ma túy tại nhà mình. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý đối với **Vàng A X2** là có căn cứ, phù hợp với quy định.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo. Do đó, căn cứ khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo **Lầu Thị X**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i, khoản 2 khoản 6 Điều 251; các Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất trong khung đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung; đồng thời xem xét các tình tiết bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã chấp nhận các đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các đề nghị này có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối với mức hình phạt cụ thể, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định theo quy định của pháp luật.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i, khoản 2, khoản 6 Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lầu Thị X** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lầu Thị X** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ là ngày 04/4/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 7,4 gam Heroine; 01 lọ nhựa hình trụ màu trắng, nắp màu trắng; 01 lọ nhựa hình trụ màu đỏ, nắp màu trắng; 18 mảnh nilon màu hồng; 01 túi vải có nhiều hoa văn, gắn quai đeo.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp trên./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 4 - Lai Châu;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Lai Châu;
- Phân trại tạm giam Mường Tè - Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lai Châu;
- Lưu HS - HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Văn Dũng

